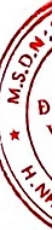


**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - Đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên (nay là Tổng Công ty IDICO-CTCP) theo Quyết định số 1021/QĐ-BXD ngày 25/06/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần với mã số doanh nghiệp là 3600687943 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 04/08/2004, thay đổi đăng ký kinh doanh các lần và thay đổi lần thứ 18 vào ngày 09/9/2017.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 ngày 09/9/2017 là: 35.000.000.000 VND (Ba mươi lăm tỷ đồng), được chia thành 3.500.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: IDICO MATERIAL DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO-MCI.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UpCOM với mã giao dịch là MCI.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiển, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Hoàng Anh Tuấn	Chủ tịch (Bầu từ ngày 24/3/2022)
	Ông Phan Văn Chung	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 24/3/2022)
	Ông Trần Huy Hùng	Thành viên
	Bà Bùi Thị Kim Thoa	Thành viên (Bầu từ ngày 15/6/2022)
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Nguyễn Đức Tiến	Trưởng ban
	Ông Trần Nguyễn Anh Đức	Thành viên
	Ông Bùi Đức Minh	Thành viên
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Trần Huy Hùng	Giám đốc
	Ông Mai Xuân Ngợi	Kế toán trưởng

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, ngoài sự kiện nêu tại thuyết minh số 7.1 bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Trần Huy Hùng**  
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2023



Số: 106/2023/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO, được lập ngày 29/3/2023, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng Cân đối Kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được các Biên bản xác nhận nợ phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2022 là 12.960.626.754 VND (tại ngày 31/12/2021 là 14.026.153.884 VND), trả trước cho người bán với số tiền là 818.718.500 VND (tại ngày 31/12/2021 là 860.018.500 VND), các khoản phải thu khác với số tiền là 2.588.344.348 VND (tại ngày 31/12/2021 là 3.468.662.118 VND), phải trả người bán với số tiền 4.113.592.434 VND (tại ngày 31/12/2021 là 18.668.016.264 VND), người mua trả tiền trước với số tiền 99.274.172 VND (tại ngày 31/12/2021 là 609.813.935 VND) và các khoản phải trả, phải nộp khác với số tiền 1.965.590.889 VND (tại ngày 31/12/2021 là 1.558.449.239 VND). Các thủ tục kiểm toán thay thế khác chưa đem lại cho chúng tôi bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp liên quan đến các khoản công nợ nêu trên. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục nêu trên đang được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo hay không.

**Từ chối đưa ra ý kiến**

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh 4, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp. Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2022 là 87.387.098.159 VND, dẫn đến thâm hụt vốn chủ sở hữu là 49.445.528.896 VND. Các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 47.825.850.222 VND, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm âm 4.298.880.603 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào sự hỗ trợ tài chính từ của Công ty mẹ và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Những điều kiện này cho thấy việc tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Việc từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề trên.



**Vấn đề khác**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 trình bày ý kiến từ chối liên quan đến: Công ty chưa thực hiện kết chuyển đầy đủ chi phí xây dựng cơ bản dở dang vào kết quả hoạt động kinh doanh với số tiền là 5.741.145.414 VND. Kiểm toán viên đánh giá vấn đề này không còn ảnh hưởng do Công ty đã kết chuyển đầy đủ trong năm 2022.



---

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2023

---

**Đàm Tuấn Anh****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5445-2021-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**  
Tại ngày 31 năm 12 tháng 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>4.737.079.528</b>	<b>4.337.412.850</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>1.799.468.038</b>	<b>117.252.397</b>
1. Tiền	111		299.468.038	117.252.397
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	-
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.864.862.422</b>	<b>3.864.101.082</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	15.092.075.242	15.536.638.756
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	868.718.500	1.269.516.776
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	3.014.785.248	3.468.662.118
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(16.110.716.568)	(16.410.716.568)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>69.372.631</b>	<b>352.682.934</b>
1. Hàng tồn kho	141		296.584.334	579.894.637
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(227.211.703)	(227.211.703)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.376.437</b>	<b>3.376.437</b>
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	3.376.437	3.376.437
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>4.380.321.326</b>	<b>10.139.544.886</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.352.053.526</b>	<b>3.821.947.492</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	2.187.688.366	3.649.777.802
- Nguyên giá	222		10.629.854.631	27.188.873.391
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.442.166.265)	(23.539.095.589)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	164.365.160	172.169.690
- Nguyên giá	228		442.147.508	442.147.508
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(277.782.348)	(269.977.818)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.017.497.446</b>	<b>5.741.145.414</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	2.017.497.446	5.741.145.414
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.770.354</b>	<b>576.451.980</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	10.770.354	576.451.980
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>9.117.400.854</b>	<b>14.476.957.736</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>58.562.929.750</b>	<b>57.614.051.067</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>52.562.929.750</b>	<b>55.200.678.795</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	18.610.237.355	22.477.944.678
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		106.461.138	609.813.935
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	1.289.508.513	1.517.162.840
4. Phải trả người lao động	314		-	157.690.801
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	7.756.722.744	5.638.066.541
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	24.800.000.000	24.800.000.000
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.000.000.000</b>	<b>2.413.372.272</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.13	-	213.372.272
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	2.200.000.000	2.200.000.000
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.15	3.800.000.000	-
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>(49.445.528.896)</b>	<b>(43.137.093.331)</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>(49.445.528.896)</b>	<b>(43.137.093.331)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.000.000.000	35.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.941.569.263	2.941.569.263
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(87.387.098.159)	(81.078.662.594)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		(81.078.662.594)	(54.733.363.085)
- LNST chưa phân phối kì này	421b		(6.308.435.565)	(26.345.299.509)
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>9.117.400.854</b>	<b>14.476.957.736</b>

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Chu Thị Thanh Nga



Mai Xuân Ngợi



Trần Huy Hùng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

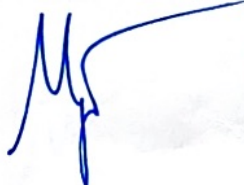
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	16.860.873.026	4.895.043.950
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	84.601.832	443.017.754
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	16.776.271.194	4.452.026.196
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	13.567.582.218	6.182.835.798
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>3.208.688.976</b>	<b>(1.730.809.602)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	40.420.986	234.299
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.499.630.906	2.040.296.145
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.499.630.906</i>	<i>2.040.296.145</i>
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	214.680.127	224.810.412
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	4.243.489.167	12.736.123.729
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>(3.708.690.238)</b>	<b>(16.731.805.589)</b>
11. Thu nhập khác	31		1.668.232.768	3.396.685
12. Chi phí khác	32		4.267.978.095	9.616.890.605
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	6.7	<b>(2.599.745.327)</b>	<b>(9.613.493.920)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(6.308.435.565)</b>	<b>(26.345.299.509)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(6.308.435.565)</b>	<b>(26.345.299.509)</b>
<b>18. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	6.9	<b>(1.802)</b>	<b>(7.527)</b>

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kê toán trưởng

Giám đốc


Chu Thị Thanh Nga

Mai Xuân Ngợi

Trần Huy Hùng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(6.308.435.565)	(26.345.299.509)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		430.472.998	1.036.742.221
- Các khoản dự phòng	03		(300.000.000)	8.584.943.894
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(828.529.221)	(234.299)
- Chi phí lãi vay	06		2.499.630.906	2.040.296.145
- Các khoản điều chỉnh khác	07		3.951.298.921	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		(555.561.961)	(14.683.551.548)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.299.238.660	13.738.574.560
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		283.310.303	(140.125.567)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(5.350.752.223)	(1.067.065.445)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		24.884.618	1.515.230.955
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(481.778.533)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.298.880.603)	(1.118.715.578)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(362.650.953)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		2.503.326.211	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		40.420.986	234.299
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.181.096.244	234.299
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		3.800.000.000	21.200.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(19.999.280.625)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.800.000.000	1.200.719.375
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20+30+40)	50		1.682.215.641	82.238.096
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60		117.252.397	35.014.301
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50+60+61)	70	5.1	1.799.468.038	117.252.397

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2023

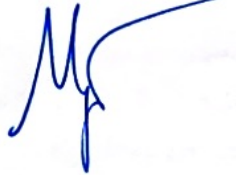
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Chu Thị Thanh Nga



Mai Xuân Ngợi



Trần Huy Hùng



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - Đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên (nay là Tổng công ty IDICO - CTCP) theo Quyết định số 1021/QĐ-BXD ngày 25/06/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần với mã số doanh nghiệp là 3600687943 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 04/08/2004, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 18 vào ngày 09/9/2017.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 ngày 09/9/2017 là: 35.000.000.000 VND (Ba mươi lăm tỷ đồng), được chia thành 3.500.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: IDICO MATERIAL DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - MCI.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UpCom với mã giao dịch là MCI.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: 13 người (Tại ngày 01/01/2022 là: 18 người).

#### **1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét: Sản xuất gạch, ngói, vật liệu trang trí nội, ngoại thất;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét: Khai thác đá, cát, sỏi, chế biến đá;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao: Sản xuất phụ gia cho sản xuất xi măng;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Gia công cơ khí;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê xe máy, thuê thiết bị;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị khác trong xây dựng: Kinh doanh thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; kinh doanh bất động sản, đầu tư phát triển kinh doanh nhà, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, cho thuê văn phòng, kinh doanh nhà ở;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Bán buôn xăng, dầu, nhớt;
- Bán lẻ nhiên liệu, động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động tư vấn quản lý: Tư vấn đầu tư xây dựng (trừ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, tư vấn thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng);





## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

### **1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị và khu công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, cấp thoát nước, đường dây và trạm, biến áp điện;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác: Sản xuất đồ gốm sứ.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng và dịch vụ khác.

### **1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

### **1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

<b>Tên chi nhánh</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Địa chỉ</b>
Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Xây lắp dân dụng	Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp Xây dựng số 1	Xây lắp dân dụng	Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp Vật liệu xây dựng Tuy Hạ	Kinh doanh xăng dầu	Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

### **1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

## **2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Giả định về khả năng hoạt động liên tục**

Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2022 là 87.387.098.159 VND, dẫn đến thâm hụt vốn chủ sở hữu là 49.445.528.896 VND. Các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 47.825.850.222 VND, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm âm 4.298.880.603 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào sự hỗ trợ tài chính từ Công ty mẹ và vào hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Ban Giám đốc Công ty tin rằng Công ty mẹ sẽ không hỗ trợ để Công ty có thể hoạt động liên tục trong 12 tháng tới.

Tổng công ty IDICO và Ban Giám đốc Công ty đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai Phương án tái cơ cấu tổng thể để Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

+ Tổng công ty IDICO tiếp tục cho Công ty vay với số tiền là 3.800.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/IDICO-MCI ngày 27/5/2022.

Tổng công ty IDICO và Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và các khoản vay đến hạn. Tổng công ty IDICO và Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp Theo)**

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

**Loai tài sản cố định**

	<b><u>Số năm</u></b>
hà xưởng và vật kiến trúc	05 - 50
láy móc và thiết bị	03 - 20
ương tiện vận tải	05 - 10
SCĐ hữu hình khác	03 - 05



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí Công ty thực tế đã chi ra để sở hữu quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất của Công ty đặt tại Ấp Xóm Góc, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Nguồn gốc sử dụng đất do Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Thời hạn sử dụng đất kéo dài đến ngày 15/10/2043.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời hạn sử dụng đất là 40 năm.

Phần mềm máy tính bao gồm phần mềm bán hàng được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí: Công cụ, dụng cụ xuất dùng; Chi phí trả trước chờ phân bổ. Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian phân bổ.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty và Công ty mẹ).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Nguyên tắc ghi nhận nợ vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã xử lý lỗ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán xăng dầu, doanh thu xây lắp, doanh thu cho thuê văn phòng và doanh thu hàng hóa, dịch vụ khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

*Doanh thu bán hàng*

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả (04) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu là chi phí đi vay vốn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là vật liệu xây dựng và dịch vụ khác chiếm tỷ trọng nhỏ và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	164.609.039	99.525.449
Tiền gửi ngân hàng	134.858.999	17.726.948
Tương đương tiền	1.500.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>1.799.468.038</b>	<b>117.252.397</b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện ĐakĐrinh	7.122.922.361	7.122.922.361
Tổng công ty IDICO - CTCP	165.796.072	670.954.247
DNTN Phúc Đại Thành	1.447.570.081	1.806.329.985
Phải thu các khách hàng còn lại	6.355.786.728	5.936.432.163
<b>Tổng</b>	<b>15.092.075.242</b>	<b>15.536.638.756</b>
<i>Trong đó: Phải thu của khách hàng là bên liên quan (Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>896.340.751</i>	<i>1.510.484.872</i>

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH XD Thương mại Dịch vụ Nghĩa Bình	-	409.498.276
Công ty TNHH Xây dựng địa chất khoáng sản Vĩnh An	279.000.000	279.000.000
Vũ Thanh Giang - Công ty TNHH MTV TM & DV	180.000.000	180.000.000
Vũ Gia	409.718.500	401.018.500
Các đối tượng khác	-	-
<b>Tổng</b>	<b>868.718.500</b>	<b>1.269.516.776</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**

Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện,  
Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.4 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Tạm ứng	1.269.003.271	851.934.031	1.271.173.271	851.934.031
Phải thu khác (i)	1.745.781.977	1.614.626.791	2.197.488.847	1.914.626.791
<b>Tổng</b>	<b>3.014.785.248</b>	<b>2.466.560.822</b>	<b>3.468.662.118</b>	<b>2.766.560.822</b>

**(i) Chi tiết Phải thu khác**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Đỗ Hữu Cuộc	1.114.000.000	1.114.000.000	1.414.000.000	1.414.000.000
Chi nhánh Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	89.000.000	89.000.000	89.000.000	89.000.000
Lê Bá Khiêm	52.781.659	52.781.659	52.781.659	52.781.659
Nguyễn Văn Anh	70.449.952	70.449.952	70.449.952	70.449.952
Công ty TNHH MTV Sản xuất thương mại vận tải Tiến Thành	13.544.000	13.544.000	13.544.000	13.544.000
Phải thu về BHXH, BHYT, BHTN	17.939.189	17.939.189	17.939.189	17.939.189
Các khoản khác	388.067.177	256.911.991	539.774.047	256.911.991
<b>Tổng</b>	<b>1.745.781.977</b>	<b>1.614.626.791</b>	<b>2.197.488.847</b>	<b>1.914.626.791</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**

Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện,  
Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.5 Nợ xấu**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)		Giá trị có thể thu hồi
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Công ty Cổ phần Thủy điện ĐakDrinh	7.122.922.361	-	7.122.922.361	-	-
Đỗ Hữu Cực	1.114.000.000	-	1.414.000.000	-	-
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Cát Tường	901.100.912	-	901.100.912	-	-
Công ty cổ phần Đầu tư và xây lắp dầu khí Sài Gòn	810.510.797	-	810.510.797	-	-
Công ty TNHH MTV sản xuất TM VT Tiến Thành	441.488.076	-	441.488.076	-	-
Công ty cổ phần Xây lắp dầu khí 2	390.347.741	-	390.347.741	-	-
Công ty TNHH Giang An Huy	244.968.069	-	244.968.069	-	-
Các đối tượng khác	5.085.378.612	-	5.085.378.612	-	-
<b>Tổng</b>	<b>16.110.716.568</b>	<b>-</b>	<b>16.410.716.568</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Trong đó trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi**

	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm		Từ 1 năm đến dưới 2 năm		Từ 2 năm đến dưới 3 năm		Từ 3 năm trở lên	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Thủy điện ĐakDrinh	-	-	-	-	-	-	7.122.922.361	-
Đỗ Hữu Cực	-	-	-	-	-	-	1.114.000.000	-
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Cát Tường	-	-	-	-	-	-	901.100.912	-
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	-	-	-	-	-	-	810.510.797	-
Công ty TNHH MTV sản xuất TM VT Tiến Thành	-	-	-	-	-	-	441.488.076	-
Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	-	-	-	-	-	-	390.347.741	-
Công ty TNHH Giang An Huy	-	-	-	-	-	-	244.968.069	-
Các đối tượng khác	-	-	-	-	-	-	5.085.378.612	-
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>16.110.716.568</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**

Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiên,  
Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	3.982.500	-
Công cụ, dụng cụ	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000
Thành phẩm	221.611.703	221.611.703	221.611.703	221.611.703
Hàng hóa	69.372.631	-	348.700.434	-
<b>Tổng</b>	<b>296.584.334</b>	<b>227.211.703</b>	<b>579.894.637</b>	<b>227.211.703</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**

Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện,  
Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2022	7.923.514.049	15.509.316.947	3.723.189.304	32.853.091	27.188.873.391
Tăng trong năm	-	-	-	135.000.000	135.000.000
Mua trong năm	-	-	-	135.000.000	135.000.000
Giảm trong năm	-	(14.954.458.058)	(1.706.707.611)	(32.853.091)	(16.694.018.760)
Thanh lý nhượng bán	-	(14.954.458.058)	(1.706.707.611)	(32.853.091)	(16.694.018.760)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>7.923.514.049</b>	<b>554.858.889</b>	<b>2.016.481.693</b>	<b>135.000.000</b>	<b>10.629.854.631</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2022	5.937.372.693	14.600.549.610	2.968.320.195	32.853.091	23.539.095.589
Tăng trong năm	214.955.113	-	197.991.241	9.722.114	422.668.468
Khấu hao trong năm	214.955.113	-	197.991.241	9.722.114	422.668.468
Giảm trong năm	-	(14.045.690.721)	(1.441.053.980)	(32.853.091)	(15.519.597.792)
Thanh lý nhượng bán	-	(14.045.690.721)	(1.441.053.980)	(32.853.091)	(15.519.597.792)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>6.152.327.806</b>	<b>554.858.889</b>	<b>1.725.257.456</b>	<b>9.722.114</b>	<b>8.442.166.265</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2022	1.986.141.356	908.767.337	754.869.109	-	3.649.777.802
Tại ngày 31/12/2022	1.771.186.243	-	291.224.237	125.277.886	2.187.688.366

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là: 0 VND (tại ngày 01/01/2022 là 0 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là: 3.115.355.488 VND (tại ngày 01/01/2022 là 13.151.283.438 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2022	338.905.900	103.241.608	442.147.508
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	338.905.900	103.241.608	442.147.508
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2022	166.736.210	103.241.608	269.977.818
Tăng trong năm	7.804.530	-	7.804.530
Khấu hao trong năm	7.804.530	-	7.804.530
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	174.540.740	103.241.608	277.782.348
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2022	172.169.690	-	172.169.690
Tại ngày 31/12/2022	164.365.160	-	164.365.160

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31/12/2022 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với số tiền là 103.241.608 VND (tại ngày 01/01/2022 là 103.241.608 VND).

**5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Mô sét Long An	2.017.497.446	5.741.145.414
<b>Tổng</b>	<b>2.017.497.446</b>	<b>5.741.145.414</b>

**5.10 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí khấu hao Trạm nghiên Tân Cảng	10.770.354	576.451.980
<b>Tổng</b>	<b>10.770.354</b>	<b>576.451.980</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**

Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện,  
Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Công ty cổ phần Xây lắp và cơ giới số 9	10.071.954.077	10.071.954.077	10.071.954.077	10.071.954.077
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Bảo Toàn	-	-	4.379.461.048	4.379.461.048
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	2.745.388.866	2.745.388.866	2.805.916.928	2.805.916.928
Công ty TNHH MTV 17	828.930.000	828.930.000	1.098.930.000	1.098.930.000
Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO	1.401.709.500	1.401.709.500	990.139.014	990.139.014
Công ty TNHH MTV Văn Tiến Nghĩa	946.668.500	946.668.500	946.668.500	946.668.500
Các khách hàng còn lại	2.615.586.412	2.615.586.412	2.184.875.111	2.184.875.111
<b>Tổng</b>	<b>18.610.237.355</b>	<b>18.610.237.355</b>	<b>22.477.944.678</b>	<b>22.477.944.678</b>

*Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan (Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)*

**5.12 Các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

	01/01/2022		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		31/12/2022	
<b>Phải nộp</b>	<b>1.517.162.840</b>	<b>1.928.758.851</b>	<b>1.928.758.851</b>	<b>2.156.413.178</b>	<b>1.289.508.513</b>	<b>1.289.508.513</b>	<b>1.289.508.513</b>	<b>1.289.508.513</b>
Thuế GTGT	1.174.307.237	1.849.395.410	1.849.395.410	2.116.007.879	907.694.768	907.694.768	907.694.768	907.694.768
Thuế thu nhập cá nhân	12.442.076	79.363.441	79.363.441	40.405.299	51.400.218	51.400.218	51.400.218	51.400.218
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	330.413.527	-	-	-	330.413.527	330.413.527	330.413.527	330.413.527
<b>Phải thu</b>	<b>3.376.437</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.376.437</b>	<b>3.376.437</b>	<b>3.376.437</b>	<b>3.376.437</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	3.376.437	-	-	-	-	-	-	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.13 Chi phí phải trả dài hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Đường N5 - KCN Nhơn Trạch 5	-	78.372.272
Chi phí khác	-	135.000.000
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>213.372.272</b>

**5.14 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2022	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>7.756.722.744</b>	<b>5.638.066.541</b>
Bảo hiểm xã hội	-	31.594.893
Bảo hiểm y tế	-	5.245.369
Bảo hiểm thất nghiệp	-	1.165.638
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	345.999.738	345.999.738
Các khoản phải trả, phải nộp khác (i)	7.410.723.006	5.254.060.903
<b>b) Dài hạn</b>	<b>2.200.000.000</b>	<b>2.200.000.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.200.000.000	1.200.000.000
<i>DNTN Phúc Đại Thành</i>	<i>1.200.000.000</i>	<i>1.200.000.000</i>
Công ty TNHH Đồng Tâm 17 Miền Đông	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>9.956.722.744</b>	<b>7.838.066.541</b>
<i>Trong đó: Phải trả khác là bên liên quan (Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>5.791.131.855</i>	<i>3.299.461.949</i>

**(i) Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Lãi vay phải trả Tổng công ty IDICO	5.791.131.855	3.291.500.949
Công ty cổ phần Cơ giới và xây lắp số 9	1.013.626.447	1.013.626.447
Nguyễn Thị Bích Thảo	400.000.000	514.700.000
Tiền phạt chậm nộp thuế tại cục thuế Quảng Nam	26.110.457	26.110.457
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	179.854.247	408.123.050
<b>Tổng</b>	<b>7.410.723.006</b>	<b>5.254.060.903</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**

Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện,  
Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24.800.000.000	24.800.000.000	-	-
Tổng công ty IDICO -CTCP (i)	24.800.000.000	24.800.000.000	-	-
b) Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	3.800.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000	-
Tổng công ty IDICO -CTCP (i)	3.800.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>28.600.000.000</b>	<b>28.600.000.000</b>	<b>3.800.000.000</b>	<b>-</b>
				<b>24.800.000.000</b>
				<b>24.800.000.000</b>

**Trong đó, các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan**

	31/12/2022(VND)		01/01/2022 (VND)	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
Vay nợ thuê tài chính ngắn hạn	24.800.000.000	4.176.055.470	24.800.000.000	3.291.500.949
Tổng công ty IDICO - CTCP	24.800.000.000	4.176.055.470	24.800.000.000	3.291.500.949
Vay nợ thuê tài chính dài hạn	3.800.000.000	210.828.713	-	-
Tổng công ty IDICO - CTCP	3.800.000.000	210.828.713	-	-
<b>Tổng</b>	<b>28.600.000.000</b>	<b>4.386.884.183</b>	<b>24.800.000.000</b>	<b>3.291.500.949</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**

Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện,  
Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

**(i) Vay Tổng công ty IDICO - CTCP**

Số tiền được vay:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 240912/IDICO-MCI và Phụ lục số 03 PLHĐ/IDICO-MCI ngày 03/10/2013, Phụ lục số 05 PLHĐ/IDICO-MCI ngày 31/10/2014, Phụ lục số 02 PLHĐ/IDICO-MCI ngày 01/02/2019 số tiền vay là: 600.000.000 đồng.  
Hợp đồng vay vốn số 02-2011/IDICO-MCI ngày 29/12/2011, Phụ lục số 09 PLHĐ/IDICO-MCI ngày 28/8/2012, Phụ lục số 02 PLHĐ/IDICO-MCI ngày 02/01/2013, Phụ lục số 01 PLHĐ/IDICO-MCI ngày 30/6/2014, Phụ lục số 01 PLHĐ/IDICO-MCI ngày 01/02/2019, Phụ lục số 01 PLHĐ/IDICO-MCI ngày 15/01/2020 số tiền vay là 3.000.000.000 đồng.  
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/IDICO-MCI ngày 08/02/2021 số tiền vay là 7.500.000.000 đồng.  
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04/2021/IDICO-MCI ngày 27/05/2021 số tiền vay là 15.000.000.000 đồng.  
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/IDICO-MCI ngày 27/05/2022 số tiền vay là 3.800.000.000 đồng.

Mục đích vay:

Trả nợ gốc và lãi trước 12 tháng kể từ ngày giải ngân.

Thời hạn vay:

Bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ niêm yết tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh + 3,2%/năm.

Hình thức đảm bảo tiền vay

Tài sản thế chấp là tài sản thuộc quyền sở hữu/ quyền sử dụng đất hợp pháp của Công ty và hàng tồn kho của Công ty.

Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2022:

28.600.000.000 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**

Khu Công nghiệp Nhom Trạch 1, xã Phước Thiện,  
Huyện Nhom Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.16 Vốn chủ sở hữu****a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2021	35.000.000.000	2.941.569.263	(54.733.363.085)	(16.791.793.822)
Lỗ trong năm trước	-	-	(26.345.299.509)	(26.345.299.509)
Số dư tại ngày 31/12/2021	35.000.000.000	2.941.569.263	(81.078.662.594)	(43.137.093.331)
Số dư tại ngày 01/01/2022	35.000.000.000	2.941.569.263	(81.078.662.594)	(43.137.093.331)
Lỗ trong năm nay	-	-	(6.308.435.565)	(6.308.435.565)
Số dư tại ngày 31/12/2022	35.000.000.000	2.941.569.263	(87.387.098.159)	(49.445.528.896)

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Tổng công ty IDICO - CTCP	81,94%	2.868.000	28.680.000.000	81,94%	2.868.000	28.680.000.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	18,06%	632.000	6.320.000.000	18,06%	632.000	6.320.000.000
<b>Tổng</b>	<b>100,00%</b>	<b>3.500.000</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>3.500.000</b>	<b>35.000.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**

Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện,  
Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	35.000.000.000	35.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	35.000.000.000	35.000.000.000

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.500.000	3.500.000
Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**e. Các quỹ doanh nghiệp**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.941.569.263	2.941.569.263
<b>Tổng</b>	<b>2.941.569.263</b>	<b>2.941.569.263</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

**6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>16.860.873.026</b>	<b>4.895.043.950</b>
Doanh thu kinh doanh xăng dầu	7.499.168.715	3.621.904.460
Doanh thu kinh doanh vật tư	2.063.466.565	397.697.660
Doanh thu sản phẩm, dịch vụ khác	7.298.237.746	875.441.830
<b>b) Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>84.601.832</b>	<b>443.017.754</b>
Giảm giá hàng bán	84.601.832	443.017.754
<b>Doanh thu thuần (a) - (b)</b>	<b>16.776.271.194</b>	<b>4.452.026.196</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn kinh doanh xăng dầu	7.309.400.531	3.380.764.206
Giá vốn kinh doanh vật tư	2.670.680.935	86.128.809
Giá vốn sản phẩm, dịch vụ khác	3.587.500.752	2.715.942.783
<b>Tổng</b>	<b>13.567.582.218</b>	<b>6.182.835.798</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	40.420.986	234.299
<b>Tổng</b>	<b>40.420.986</b>	<b>234.299</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	2.499.630.906	2.040.296.145
<b>Tổng</b>	<b>2.499.630.906</b>	<b>2.040.296.145</b>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	126.617.019	140.141.539
Chi phí khấu hao TSCĐ	27.349.282	46.485.778
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.731.326	37.445.595
Chi phí bằng tiền khác	3.982.500	737.500
<b>Tổng</b>	<b>214.680.127</b>	<b>224.810.412</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.736.157.025	2.592.520.113
Chi phí đồ dùng văn phòng	18.308.637	26.344.705
Chi phí khấu hao TSCĐ	316.994.907	904.127.634
Thuế phí và lệ phí	14.293.414	3.674.132
Chi phí dự phòng	-	8.584.943.894
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.000.000	45.000.000
Chi phí bằng tiền khác	1.077.735.184	579.513.251
<b>Tổng</b>	<b>4.243.489.167</b>	<b>12.736.123.729</b>

**6.7 Lợi nhuận khác**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, công cụ dụng cụ	768.108.235	-
Các khoản khác	900.124.533	3.396.685
<b>Tổng</b>	<b>1.668.232.768</b>	<b>3.396.685</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	5.497.655.801
Chi phí sửa chữa công trình hư hỏng	-	2.041.849.924
Các khoản khác	-	1.488.886.250
Các khoản khác	4.267.978.095	588.498.630
<b>Tổng</b>	<b>4.267.978.095</b>	<b>9.616.890.605</b>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>(2.599.745.327)</b>	<b>(9.613.493.920)</b>

**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>1. Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(6.308.435.565)</b>	<b>(26.345.299.509)</b>
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>4.267.978.095</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>4.267.978.095</i>	<i>-</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>2. Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(2.040.457.470)</b>	<b>(26.345.299.509)</b>
<i>Các khoản lỗ được kết chuyển</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>(2.040.457.470)</b>	<b>(26.345.299.509)</b>
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện,  
Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6.9 Lỗ cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.308.435.565)	(26.345.299.509)
Lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(6.308.435.565)	(26.345.299.509)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	3.500.000	3.500.000
<b>Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(1.802)</b>	<b>(7.527)</b>

**6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.980.081.466	3.466.893.015
Chi phí nhân công	2.862.774.044	2.732.661.652
Chi phí khấu hao tài sản cố định	344.344.189	516.943.896
Chi phí dịch vụ mua ngoài	136.731.326	82.445.595
Chi phí khác bằng tiền	1.081.717.684	580.250.751
<b>Tổng</b>	<b>14.405.648.709</b>	<b>7.379.194.909</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Danh sách các bên liên quan**

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ	Tên viết tắt
1	Tổng công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	IDICO
2	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - UDICO
3	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - LINCO
4	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - CONAC
5	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - INCO 10
6	Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - INCON
7	Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - URBIZ
8	Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - SHP
9	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - IDI
10	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - ISC
11	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quế Võ IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - QUE VO
12	Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - TCC
13	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	Cùng Công ty mẹ	LAMA IDICO
14	Chi nhánh Tổng Công ty IDICO - CTCP tại Miền Đông	Chi nhánh thuộc IDICO	IDICO - IEB
15	Hoàng Tuấn Anh	Chủ tịch HĐQT	



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU IDICO**

Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện,  
Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.1 Danh sách các bên liên quan (Tiếp theo)**

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ	Tên viết tắt
16	Trần Huy Hùng	Thành viên HĐQT	
17	Bùi Thị Kim Thoa	Thành viên HĐQT	
18	Nguyễn Đức Tiến	Trưởng BKS	
19	Bùi Đức Minh	Thành viên BKS	
20	Trần Nguyễn Anh Đức	Thành viên BKS	
21	Trần Huy Hùng	Ban Giám đốc	
22	Mai Xuân Ngợi	Kế toán trưởng	
23	Các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và người quản lý khác	Ảnh hưởng đáng kể	

**7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

**a. Lương, thưởng và thù lao của Hội đồng quản trị**

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Phan Văn Chung	Nguyên chủ tịch	18.000.000	-
Hoàng Tuấn Anh	Chủ tịch	67.000.000	-
Trần Huy Hùng	Thành viên	24.000.000	-
Bùi Thị Kim Thoa	Thành viên	27.000.000	-
Mai Quốc Chinh	Thành viên	-	-
Nguyễn Đức Tiến	Thành viên	-	-
Vũ Đình Thắng	Thành viên	-	-
<b>Tổng</b>		<b>136.000.000</b>	<b>-</b>

**b. Lương, thưởng và thù lao của Ban Kiểm soát**

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Nguyễn Đức Tiến	Trưởng ban	32.000.000	-
Bùi Đức Minh	Thành viên	15.000.000	-
Trần Nguyễn Anh Đức	Thành viên	5.000.000	-
<b>Tổng</b>		<b>52.000.000</b>	<b>-</b>

**c. Lương, thưởng và các lợi ích khác của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Trần Huy Hùng	Giám đốc	400.907.647	353.781.817
Mai Xuân Ngợi	Kế toán trưởng	160.457.646	235.235.867
<b>Tổng</b>		<b>561.365.293</b>	<b>589.017.684</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**d. Giao dịch với bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
<b>Giao dịch mua</b>		<b>3.494.795.962</b>	<b>2.708.625.022</b>
IDICO - UDICO	Chi phí sử dụng điện	3.046.620.752	2.162.474.574
IDICO - URBIZ	Dịch vụ sử dụng nước, điện và phí xử lý nước thải Tiền thuê lại đất	41.867.750 406.307.460	84.352.637 461.797.811
<b>Giao dịch bán</b>		<b>279.695.400</b>	<b>183.814.528</b>
IDICO - UDICO	Bán xăng	279.695.400	183.814.528
<b>Giao dịch khác</b>		<b>6.299.630.906</b>	<b>25.358.809.314</b>
IDICO	Lãi đi vay Đi vay	2.499.630.906 3.800.000.000	1.558.809.314 23.800.000.000
<b>Tổng</b>		<b>6.299.630.906</b>	<b>25.358.809.314</b>

**e. Số dư phải thu và phải trả các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>01/01/2022 VND</b>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>896.340.751</b>	<b>1.510.484.872</b>
IDICO	165.796.072	670.954.247
IDICO - LINCO	60.000.000	60.000.000
IDICO - INCO 10	426.728.791	50.702.616
CUONG THUAN-IDICO	243.815.888	243.815.888
IDICO - IEB	-	485.012.121
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>50.000.000</b>	<b>553.352.796</b>
IDICO - INCON	50.000.000	50.000.000
IDICO - URBIZ	-	503.352.796
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>4.160.970.838</b>	<b>3.809.928.414</b>
IDICO - UDICO	2.745.388.866	2.805.916.928
LAMA IDICO	13.872.472	13.872.472
IDICO - URBIZ	1.401.709.500	990.139.014
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>5.791.131.855</b>	<b>3.299.461.949</b>
IDICO	5.791.131.855	3.299.461.949
<b>Vay nợ ngắn hạn</b>	<b>24.800.000.000</b>	<b>24.800.000.000</b>
IDICO	24.800.000.000	24.800.000.000
<b>Vay nợ dài hạn</b>	<b>3.800.000.000</b>	-
IDICO - IDICO	3.800.000.000	-

087043  
CÔNG TY  
PHÂN  
XÂY DỰNG  
VẬT LIỆU  
IDICO  
DICC  
4CH.1.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



**Chu Thị Thanh Nga**

Kế toán trưởng



**Mai Xuân Ngợi**

Giám đốc



**Trần Huy Hùng**

